TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 87/2020/DS-PT
Ngày 06 - 5 - 2020
V/v tranh chấp Hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Bằng,

Ông Nguyễn Duy Thuấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Bích Ngân - Thư ký TAND tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk: Ông Ngụ Văn Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 06/5/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 31/2020/TLPT-DS ngày 09/01/2020, về việc *"Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 58/2019/DSST ngày 22/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 90/2020/QĐPT-DS ngày 06/3/2020 và Thông báo mở phiên tòa dân sự phúc thẩm số 300/2020/TB-TA ngày 20/4/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phan Hữu C (có mặt).
Địa chỉ: Buôn D, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.
Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L (có mặt).
Địa chỉ: Liên gia M, thị trấn Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Đình H (Vắng mặt).
Địa chỉ: Buôn D, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.
Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Võ Hữu Dũng (có mặt).
Địa chỉ: phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị H (có mặt).
Địa chỉ: Buôn D, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Người kháng cáo: Bị đơn ông Nguyễn Đình H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Do có mối quan hệ quen biết nên ngày 15/10/2015 ông Phan Hữu C cho ông Nguyễn Đình H vay 220.000.000 đồng để mua giàn khoan giếng, thỏa thuận lãi suất bằng miệng 1%/tháng, thời hạn trả ngày 15/01/2016. Khi đến đặt vấn đề xin vay thì ông C nói với ông H cho bà Nguyễn Thị H (vợ của ông H) cùng ký vào giấy vay, nhưng khi ông H đến nhà ông C lấy tiền thì ông H nói: "*Tôi vay tiền của anh thì tôi có trách nhiệm trả tiền cho anh. Vợ tôi không liên quan đến số tiền này*". Ông C đồng ý, nên ông H đã viết giấy vay tiền cho ông C.

Đến ngày 15/01/2016, ông H chỉ trả cho ông C 17.000.000 đồng tiền lãi và đã viết vào giấy vay nội dung "*đưa 17.000.000đ lãi*", ngày 25/7/2019 ông H tiếp tục trả số tiền 85.000.000 đồng. Ngoài ra, ông H chưa trả thêm khoản nào khác, do ông H vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận nên ông C khởi kiện yêu cầu ông H phải trả nợ cho ông C cụ thể như sau:

Lãi suất trong hạn: Từ ngày 15/10/2015 đến ngày 15/01/2016:

(220.000.000đ x 1%/ tháng) x 3 tháng = 6.600.000đ.

Lãi suất quá hạn: Tạm tính từ ngày 16/01/2016 đến ngày 16/10/2019:

(220.000.000đ x 1,5%/ tháng) x 45 tháng = 148.500.000đ.

Tổng tiền lãi còn phải trả:

(6.600.000đ + 148.500.000đ) - 102.000.000đ = 53.100.000đ.

Như vậy tổng số tiền ông H phải trả tính đến ngày 16/10/2019 là 273.100.000 đồng, đồng thời tiếp tục tính lãi suất phát sinh đến khi trả xong nợ. Toàn bộ số tiền này do ông H đứng ra vay và chịu trách nhiệm trả nợ, không liên quan đến bà Nguyễn Thị H nên ông C đề nghị Tòa án buộc ông H có nghĩa vụ trả số tiền trên.

* *Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn Nguyễn Đình H trình bày:*

Ông H thừa nhận có vay của ông C số tiền 220.000.000 đồng nợ gốc. Tuy nhiên, ông H cho rằng giữa hai bên không thỏa thuận về lãi suất. Mức lãi suất 1%/tháng do ông C tự đưa ra. Quá trình vay ông H đã trả cho ông C được 102.000.000 đồng (sau khi vay trả cho ông C 5.000.000 đồng, sau 3 tháng trả 12.000.000 đồng và ngày 25/7/2019 trả 85.000.000 đồng), còn nợ lại số tiền 118.000.000 đồng. Số tiền còn nợ ông H có nguyện vọng được trả 02 lần: Vụ thu hoạch cà phê năm 2019 trả 60.000.000 đồng; số tiền còn lại vào vụ thu hoạch cà phê 2020 trả hết. Việc vay tiền do ông H tự quyết định, vợ ông không đồng ý vay nên không liên quan đến khoản tiền vay này và ông chịu trách nhiệm trả cho ông C.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 58/2019/DSST ngày 22/11/2019 và Quyết định số 03/2020/QĐSCBSBA ngày 13/01/2020 về việc sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Hữu C. Buộc ông Nguyễn Đình

H có nghĩa vụ trả cho ông Phan Hữu C số tiền 243.392.000 đồng, trong đó 208.478.000 đồng nợ gốc, 34.392.000 đồng lãi. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí và chi phí tố tụng khác: Ông Nguyễn Đình H phải chịu 10.423.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho ông Phan Hữu C số tiền 6.580.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp.

Ngày 02/12/2019, bị đơn ông Nguyễn Đình H kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; các đương sự không cung cấp chứng cứ mới và không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thư ký Tòa án và các đương sự đã chấp hành đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận đơn khởi kiện của ông Phan Hữu C, buộc ông H trả cho ông C 243.392.000 đồng, trong đó nợ gốc 208.478.000 đồng và 34.392.000 đồng tiền lãi là không chính xác, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của bị đơn, bởi lẽ:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xác định được ngày 15/10/2015 ông H vay ông C số tiền 220.000.000 đồng. Tại "Giấy vay tiền", ông H xác nhận việc trả tiền lãi thể hiện qua việc viết nội dung "*đã đưa 17.000.000đ lãi*". Trên cơ sở đó, xác định ngày 15/10/2015 các đương sự xác lập hợp đồng vay tài sản có lãi, do các bên không xác định rõ lãi suất nên phải áp dụng khoản 2 Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 để tính lãi suất theo quy định của pháp luật. Ngày 25/7/2019, ông H trả tiếp 85.000.000 đồng, nên cần phải được khấu trừ 85.000.000 đồng vào số tiền gốc 220.000.000 đồng mà ông H vay của ông C. Bên cạnh đó, buộc nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu không được Tòa án chấp nhận. Từ những nhận định trên, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận một phần đơn kháng cáo của ông Nguyễn Đình H, sửa Bản án dân sự sơ thẩm về nợ gốc, tiền lãi và án phí theo phân tích trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự thống nhất sự việc: Ngày 15/10/2015, ông Nguyễn Đình H vay của ông Phan Hữu C 220.000.000 đồng, thời hạn trả là ngày 15/01/2016; sau khi vay, ông H trả tiền cho ông C 02 lần, gồm: Ngày 15/01/2016 trả 17.000.000 đồng; ngày 25/7/2019 trả 85.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn tiếp tục cho rằng hợp đồng vay tiền ngày 15/10/2015 không có lãi, số tiền 102.000.000 đồng đã trả cho nguyên đơn là trả nợ

gốc; trong khi đó nguyên đơn khẳng định hợp đồng vay tiền có lãi. Nhận thấy, lời trình bày của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, cụ thể: Tại Giấy vay tiền, ông H trực tiếp viết nội dung xác nhận việc trả tiền lãi "*đã đưa 17.000.000đ lãi*". Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử xác định ngày 15/10/2015 các bên đã xác lập hợp đồng vay tiền có kỳ hạn và có lãi.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Mặc dù nguyên đơn cho rằng thời điểm vay các bên thỏa thuận mức lãi suất 1%/tháng, bị đơn không thừa nhận và cho rằng hợp đồng vay không có lãi, tuy nhiên, trên thực tế từ ngày vay đến ngày 15/01/2016, ông H trả cho ông C 17.000.000 đồng tiền lãi, tương ứng mức lãi suất 2,58%/tháng (31%/năm) là quá cao so với quy định của pháp luật. Do hợp đồng được xác lập trước ngày Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực pháp luật (01/01/2017), lãi suất không phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 nên phải áp dụng quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết vụ án. Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 để tính lãi suất trong hạn, quá hạn là không chính xác.

Trường hợp này, các đương sự không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất nên cần áp dụng khoản 2 Điều 4 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, cụ thể:

"*2. Hợp đồng vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì lãi, lãi suất được xác định như sau:*

a) Lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả theo lãi suất thỏa thuận nhưng không vượt quá 150% lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm xác lập H đồng tương ứng với thời gian vay chưa trả lãi. ***Trường hợp các bên không xác định rõ lãi suất thì áp dụng lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm trả nợ.***

b) Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm trả nợ tương ứng với thời gian chậm trả".

Thời điểm xét xử sơ thẩm, mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố theo Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 là 9%/năm (0,75%/tháng). Hội đồng xét xử phúc thẩm tính lại lãi, lãi suất như sau:

- *Từ ngày 15/10/2015 đến ngày 15/01/2016:* 3 tháng.

Lãi trong hạn: 220.000.000đ x 3 tháng x (0,75%/tháng) = 4.950.000đ.

Ngày 15/01/2016, ông H trả 17.000.000 đồng tiền lãi nên số tiền lãi trả vượt quá: 17.000.000đ - 4.950.000đ = 12.050.000đ được khấu trừ vào nợ gốc.

Tính đến ngày 15/01/2016, nợ gốc còn: 220.000.000đ - 12.050.000đ = 207.950.000đ.

- *Từ ngày 16/01/2016 đến ngày 25/7/2019:* 3 năm 6 tháng 9 ngày.

Lãi quá hạn: 207.950.000đ x (3 năm 6 tháng 9 ngày) x (9%/năm) = 65.972.000đ.

Ngày 25/7/2019, ông H trả 85.000.000 đồng nên số tiền lãi trả vượt quá:

85.000.000đ - 65.972.000đ = 19.028.000đ được khấu trừ vào nợ gốc.

Tính đến ngày 25/7/2019, nợ gốc còn: 207.950.000đ - 19.028.000đ = 188.922.000đ.

- *Từ ngày 26/7/2019 đến ngày 22/11/2019:* 3 tháng 27 ngày.

Lãi quá hạn: 188.922.000đ x (3 tháng 27 ngày) x (0,75%/tháng) = 5.526.000đ.

Như vậy, cần buộc ông H trả cho ông C số tiền 194.448.000 đồng, trong đó nợ gốc 188.922.000 đồng và 5.526.000 đồng tiền lãi.

[3] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Đình H phải chịu: 194.448.000đ x 5% = 9.722.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Phan Hữu C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu khởi kiện không được Tòa án chấp nhận: (273.100.000đ - 194.448.000đ) x 5% = 3.933.000đ.

- Về án phí dân sự phúc thẩm:

Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên ông Nguyễn Đình H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 471, 474 và 476 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Đình H.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 58/2019/DSST ngày 22/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Cư M’gar, tỉnh Đắk Lắk.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Hữu C.

Buộc ông Nguyễn Đình H phải trả cho ông Phan Hữu C số tiền 194.448.000 đồng, trong đó nợ gốc 188.922.000 đồng và 5.526.000 đồng tiền lãi.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù H với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định

tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Đình H phải chịu 9.722.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp (bà Nguyễn Thị Hoa nộp thay) theo biên lai thu số AA/2019/0004201 ngày 05/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Ông Nguyễn Đình H còn phải nộp 9.422.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Phan Hữu C phải chịu 3.933.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 6.580.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp (bà Nguyễn Thị Lệ nộp thay) theo biên lai số AA/2017/0014133 ngày 30/7/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Trả lại cho ông Phan Hữu C số tiền 2.647.000 đồng còn lại.

- Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Nguyễn Đình H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường H bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận**:*
- *TAND cấp cao tại Đà Nẵng;*
- *VKSND tỉnh Đắk Lắk;*
- *TAND huyện Cư M'gar;*
- *Chi cục THA huyện C;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu: Hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thị Nhung